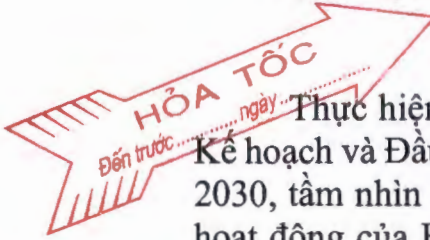


## BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

### Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

 Thực hiện Quyết định số 708/QĐ-TTg ngày 11/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Hội đồng thẩm định); Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định ban hành kèm theo Quyết định số 709/QĐ-HĐTĐ ngày 11/5/2020; theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu tại Tờ trình số 1117/TTr-SKHĐT ngày 29/7/2022; ngày 29 tháng 11 năm 2022, Hội đồng thẩm định đã tổ chức phiên họp để thẩm định quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Hội đồng thẩm định đánh giá quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch tỉnh Lai Châu) với nội dung chính như sau:

#### I. TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

**1. Hồ sơ trình thẩm định Quy hoạch tỉnh Lai Châu đầy đủ theo quy định của pháp luật về quy hoạch, gồm:**

a) Tờ trình số 1177/TTr-SKHĐT ngày 29/7/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu về việc đề nghị thẩm định quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

b) Báo cáo quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (bao gồm báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt và các phụ lục kèm theo);

c) Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

d) Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch;

đ) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Lai Châu;

e) Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu quy hoạch.

**2. Cung cấp hồ sơ và tổng hợp ý kiến tham gia của các thành viên Hội đồng thẩm định**

Sau khi nhận được Tờ trình số 1177/TTr-SKHĐT ngày 29/7/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu về việc đề nghị thẩm định quy hoạch tỉnh Lai Châu kèm theo đầy đủ Hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại Điều 31 Luật Quy hoạch, Hội đồng thẩm định đã gửi văn bản số 5862/CV-HĐTĐ ngày 19/8/2022 về việc tham gia ý kiến đối với quy hoạch tỉnh Lai Châu đến các cơ quan thành

viên Hội đồng thẩm định, văn bản số 5824/BKHĐT-QLQH ngày 19/8/2022 gửi các chuyên gia có kinh nghiệm, mời tham gia phản biện Quy hoạch tỉnh Lai Châu. Đến nay, Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định đã nhận được văn bản góp ý từ 18/19 thành viên (còn thiếu ý kiến của Bộ Y tế) và đầy đủ ý kiến của các Ủy viên phản biện. Cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định đã tổng hợp ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ là thành viên Hội đồng thẩm định, đồng thời chuẩn bị các nội dung báo cáo tại phiên họp của Hội đồng thẩm định.

## II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

**1. Về thẩm quyền thẩm định:** Hội đồng thẩm định đã thực hiện đúng nhiệm vụ, thẩm quyền được giao tại Quyết định số 708/QĐ-BKHĐT ngày 11/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định ban hành kèm theo Quyết định số 709/QĐ-HĐTĐ ngày 11/5/2020 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

**2. Đánh giá của Hội đồng thẩm định:** Quy hoạch tỉnh Lai Châu đã được xây dựng với Báo cáo tổng hợp quy hoạch gồm 713 trang, có kết cấu gồm 13 phần với nội dung được nghiên cứu nghiêm túc và cơ bản đã tuân thủ quy định của Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch và Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 349/QĐ-TTg ngày 06/3/2020.

Căn cứ quy định tại Điều 32 Luật Quy hoạch, Hội đồng thẩm định thực hiện đánh giá Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể như sau:

### **2.1. Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt**

a) Tên, thời kỳ, phạm vi ranh giới quy hoạch: Đề nghị rà soát, đảm bảo thống nhất với nội dung tương ứng của Nhiệm vụ quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 349/QĐ-TTg ngày 06/3/2020.

b) Sự phù hợp giữa nội dung quy hoạch so với yêu cầu về nội dung được xác định trong nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt: Đề nghị rà soát, bổ sung nội dung còn thiếu, đảm bảo phù hợp với Quyết định số 349/QĐ-TTg ngày 06/3/2020, khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch, Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, cụ thể:

- Đánh giá thực trạng các khu chức năng trên địa bàn tỉnh.
- Nội dung bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh trong Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.
- Phương án khu sản xuất nông nghiệp tập trung trong Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung.
- Phương án phát triển các trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm.

- Phương án phát triển mạng lưới cơ sở khoa học - công nghệ.
- Phương án phát triển không gian xanh.
- Phương án phát triển những khu vực có vai trò động lực và những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn.
- Các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

c) Sự phù hợp của số lượng và yêu cầu về nội dung đề xuất được thực hiện so với nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt: Báo cáo quy hoạch tỉnh Lai Châu (Báo cáo quy hoạch) về cơ bản đã thể hiện được các nội dung đề xuất theo nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt; tuy nhiên, cần xem xét rà soát, hoàn thiện cấu trúc nội dung trình bày để đảm bảo đầy đủ, phù hợp với khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch, Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

d) Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn và quy cách hồ sơ quy hoạch đã cơ bản đáp ứng các yêu cầu quy định tại Quyết định số 349/QĐ-TTg ngày 06/3/2020.

### ***2.2. Việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch và việc tích hợp các nội dung quy hoạch tỉnh theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 32 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP***

Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Lai Châu cần được bổ sung tài liệu thể hiện việc lập quy hoạch tỉnh đã tuân thủ đầy đủ các bước của quy trình lập quy hoạch tỉnh, được thể hiện ở 5 bước chính, đó là: (1) Xác định chủ trương lập quy hoạch tỉnh; (2) Xây dựng nhiệm vụ và chọn tư vấn lập quy hoạch; (3) Thực hiện công tác phối hợp, triển khai lập quy hoạch tỉnh; (4) Tổ chức lấy ý kiến góp ý quy hoạch lần 1 và lần 2 theo quy định; (5) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý quy hoạch.

### ***2.3. Việc tích hợp các nội dung quy hoạch do các ngành và địa phương liên quan được phân công thực hiện***

- Quy hoạch tỉnh Lai Châu về cơ bản đã xem xét đến tính hợp lý, logic giữa các nội dung đề xuất; các nội dung liên ngành, liên huyện đã được tích hợp và được xử lý cơ bản đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ. Việc nghiên cứu, thu thập, đánh giá, phân tích các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, hiện trạng, thực trạng phát triển kinh tế - xã hội được cập nhật từ các Sở, ngành, UBND cấp huyện, nên việc tích hợp các nội dung đề xuất để đưa vào quy hoạch tỉnh cơ bản đã đáp ứng yêu cầu.

- Phương pháp lập quy hoạch và cách tiếp cận đề cập trong Báo cáo quy hoạch đã hướng tới sự đổi mới, nội dung quy hoạch đã thể hiện một số ưu điểm chủ yếu như phân tích vùng, sử dụng một số chỉ số, chỉ tiêu định lượng để phân tích, luận cứ quy hoạch dựa vào phân tích đánh giá hiện trạng, thực trạng và dự báo khai thác tiềm năng trên cơ sở thông tin số liệu khá đầy đủ.

- Trong bối cảnh các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh được lập đồng thời, đề nghị tỉnh Lai Châu tiếp tục rà soát, cập nhật các định hướng phát triển ngành, lĩnh vực tại các dự thảo một số quy hoạch ngành quốc gia

đang được hoàn thiện để bố trí các dự án cấp quốc gia, vùng trên địa bàn tỉnh phù hợp, đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất.

#### **2.4. Sự phù hợp của quy hoạch tỉnh với quy định tại Mục 2 Chương II Luật Quy hoạch.**

Báo cáo quy hoạch được lập theo quy định của Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP và bám sát Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Lai Châu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 349/QĐ-TTg ngày 06/3/2020; tuy nhiên, cần rà soát, bổ sung để hoàn thiện, cụ thể:

##### **2.4.1. Về căn cứ lập quy hoạch**

Đề nghị rà soát, bổ sung, chỉnh sửa các căn cứ lập quy hoạch như phụ lục đính kèm.

##### **2.4.2. Về kết cấu và nội dung chủ yếu của quy hoạch**

2.4.2.1. Về kết cấu của Báo cáo quy hoạch: Báo cáo quy hoạch tỉnh cần được rà soát, bổ sung, hoàn thiện kết cấu chung để đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

##### **2.4.2.2. Về nội dung chủ yếu của quy hoạch:**

a) Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh

- Về sử dụng số liệu, thông tin: Đề nghị rà soát, thống nhất số liệu, trong đó có số liệu về diện tích đất lâm nghiệp để thống nhất với số liệu tại Quyết định số 1435/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố Kết quả kiểm kê đất đai năm 2019, theo đó diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh Lai Châu là 490.911 ha, trong đó diện tích đất rừng sản xuất 196.076 ha; diện tích đất rừng phòng hộ 253.560 ha; diện tích rừng đặc dụng 41.275 ha. Bổ sung thông tin, số liệu điều tra, khảo sát đầy đủ hơn khi đánh giá về nguồn nhân lực, tỷ lệ hộ nghèo, phân tích xu hướng di cư thuận; dự báo cung cầu lao động. Cập nhật các số liệu điều tra khảo sát về tài nguyên (tài nguyên nước để phát triển thủy điện; tài nguyên khoáng sản, trong đó có đất hiếm; tài nguyên rừng, đa dạng sinh học các hệ sinh thái chủ yếu về rừng, tiềm năng đất đai,...).

- Đề nghị bổ sung phân tích, đánh giá về đặc trưng và tác động văn hoá, dân tộc đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; vị thế của tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Rà soát, cập nhật lại Kịch bản biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh tỉnh Lai Châu tại trang 64 cho phù hợp kịch bản biến đổi khí hậu 2020 do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố theo Công văn số 8272/BTNMT-BĐKH ngày 31/12/2021. Rà soát nội dung bối cảnh quốc tế tác động đến thời kỳ quy hoạch tỉnh theo ý kiến của Bộ Ngoại giao. Bổ sung dự báo, đánh giá các tác động, các xu hướng ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp đến phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

b) Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn

- Đề nghị cơ quan lập quy hoạch cập nhật số liệu để thực hiện phân tích, đánh giá thực trạng.

- Đánh giá hiện trạng kinh tế: Đề nghị bổ sung phân tích, đánh giá nguyên nhân của các thay đổi về tăng trưởng GRDP, thu ngân sách qua các năm. Thực hiện so sánh các chỉ tiêu hiện trạng kinh tế - xã hội của tỉnh với các chỉ tiêu tương ứng của vùng Trung du và miền núi phía Bắc và bình quân chung cả nước.

- Đánh giá về hiện trạng xã hội: Đề nghị bổ sung đánh giá về tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ thiếu việc làm; tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp; phát triển thị trường lao động; tư vấn, giới thiệu việc làm, tổ chức sàn giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động của Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Lai Châu; vấn đề di chuyển lao động từ Lai Châu đến các địa phương khác; tình hình thực hiện các chính sách ưu đãi người có công, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em,...

- Bổ sung phân tích, đánh giá thực trạng phân bố không gian của các hoạt động kinh tế - xã hội.

- Về thực trạng phát triển ngành công nghiệp - xây dựng: (i) Nội dung mang tính thuyết minh diễn biến, chưa thực hiện phân tích, đánh giá làm rõ thực trạng. Cần phân tích, đánh giá đối với từng nhóm ngành công nghiệp chủ yếu của tỉnh theo các chỉ tiêu phản ảnh quy mô và trình độ phát triển; làm rõ lợi thế, tiềm năng phát triển công nghiệp và khả năng thu hút các hoạt động đầu tư và các ngành sản xuất mới trên địa bàn. Bổ sung nội dung phân tích, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch khoáng sản đã được tỉnh phê duyệt theo quy định của Luật Khoáng sản (được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh theo Nghị quyết 110/NQ-CP ngày 02/02/2019 của Chính phủ). Nghiên cứu, dự báo nhu cầu nguyên liệu khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên cơ sở thực tế và định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu trong thời kỳ quy hoạch.

- Về thực trạng phát triển nông nghiệp: Làm rõ quy mô, tiềm năng, lợi thế so sánh của nông nghiệp Lai Châu, trong đó có tiềm năng phát triển lâm nghiệp; những tồn tại trong chính sách phát triển và trong tổ chức và liên kết sản xuất nông nghiệp hiện nay, có so sánh với các địa phương trong vùng và nước bạn là Trung Quốc để rút ra bài học kinh nghiệm. Bổ sung kết quả đạt được sau khi thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, theo quyết định số 899/QĐ-TTg của Thủ tướng, ngày 10/6/2013; thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012. Cần đánh giá kỹ về các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung và từng nhóm sản phẩm chủ yếu theo các tiêu chí về năng suất, chất lượng, sản lượng. Rà soát các đánh giá: “năng suất lao động của ngành năng suất lao động thấp hơn nhiều so với năng suất lao động nhóm ngành Công nghiệp – Xây dựng và Dịch vụ” (trang 72); “Nhiều sản phẩm được đánh giá phân hạng OCOP từ 3 đến 4 sao” (trang 94); “Một số sản phẩm đã được Cục Sở hữu Trí tuệ cấp chứng nhận đăng ký nhãn hiệu” (trang 95).

- Thực trạng phát triển ngành du lịch: Làm rõ: (i) Cơ cấu khách quốc tế và thị hiếu theo các khu vực thị trường lớn (Trung Quốc, châu Âu, Đông Á,...) đối với Lai Châu; (ii) Thực trạng phát triển xét theo từng loại hình du lịch cụ thể, như du lịch văn hóa, cộng đồng; du lịch cảnh quan, danh lam thắng cảnh; du lịch khám phá, mạo hiểm... (iii) Các mối quan hệ liên kết giữa các ngành, các địa phương trong Vùng và các trung tâm du lịch lớn trong phát triển du lịch. Bổ sung hạn chế về kết nối Lai Châu với các địa phương khác và giữa các địa bàn trong tỉnh.

- Về thực trạng ngành dịch vụ: Làm rõ sự phát triển và phân bố của hệ thống các cơ sở thương mại, dịch vụ trên địa bàn so với sự phân bố dân cư và các hoạt động sản xuất. Làm rõ tiềm năng phát triển các hoạt động xuất nhập khẩu và kinh tế biên mậu, cơ cấu và chủng loại hàng hóa xuất nhập khẩu (của Lai Châu và các địa phương khác).

- Về thực trạng phát triển nguồn nhân lực: Làm rõ mức độ đáp ứng yêu cầu về giáo dục toàn diện, chất lượng cao và đào tạo nguồn nhân lực (đào tạo chuyên môn kỹ thuật cho người lao động theo hướng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi từ nền nông nghiệp tự nhiên hiện nay sang các hoạt động sản xuất nông nghiệp tập trung, sản xuất nông sản đặc sản hàng hóa, phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với lĩnh vực du lịch). Cần làm rõ nguyên nhân biến động trong đào tạo nghề giai đoạn 2011-2015 và 2016-2020.

- Về thực trạng phát triển y tế: Làm rõ khả năng đáp ứng yêu cầu, nhu cầu về chăm sóc sức khỏe ban đầu của hệ thống y tế cơ sở, của các bệnh viện tuyến Huyện/Tỉnh. Bổ sung thông tin về cơ sở y tế của Công an nhân dân trong đánh giá thực trạng.

- Về thực trạng phát triển văn hóa: Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá về thực trạng gia đình, kết quả thực hiện công tác phòng, chống bạo lực gia đình của tỉnh.

- Về thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo: Rà soát, bổ sung làm rõ thời điểm đánh giá đối với một số nội dung liên quan đến tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo, trẻ 5 tuổi ra lớp; trẻ được ăn bán trú; trẻ 6 tuổi vào lớp 1; học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6; học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào lớp 10. Bổ sung số liệu đánh giá đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Làm rõ tồn tại, hạn chế, nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh trong giai đoạn 2011-2022 theo từng vấn đề.

- Về thực trạng phát triển khoa học và công nghệ: Đề nghị chuyển mục hoạt động kiểm định phương tiện đo lường (trang 146) thành nội dung thuộc mục hoạt động tiêu chuẩn, đo lường chất lượng (trang 145).

- Về đánh giá thực trạng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn: Đề nghị đánh giá tính hợp lý của phân bố đô thị; lý giải rõ nguyên nhân tỷ lệ lao động phi nông nghiệp ở hai đô thị huyện Nậm Nhùn và huyện Thanh Uyên lên đến trên 80%, cao hơn cả Thành phố Lai Châu, nhưng các đô thị này vẫn là đô thị loại V; làm rõ mối quan hệ giữa đô thị là động lực phát triển và tỷ lệ đô thị hóa ở các vùng. Phần đánh giá thực trạng phát triển nông thôn cần làm rõ các mô hình phát

triển nông thôn cần phù hợp với điều kiện vùng núi biên giới của Lai Châu.

- Về thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông: Phần đánh giá chủ yếu là liệt kê, mô tả, điểm tên các công trình; cần bổ sung: (i) Đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu phát triển; (ii) Đánh giá rõ kết nối giữa các kết cấu hạ tầng giao thông; (iii) Đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu về giao thông đối với các hoạt động đầu tư phát triển các vùng trong tỉnh và phục vụ đời sống dân sinh; (iv) Đánh giá thực trạng phát triển về vận tải, phương tiện vận tải, tăng trưởng khối lượng vận tải hàng hóa, hành khách (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa) thời kỳ 2011-2020, các luồng/tuyến vận tải hàng hóa, hành khách chính trên địa bàn tỉnh,... Rà soát, cập nhật lại số liệu đường quốc lộ toàn quốc trong Bảng 50, trang 177 (sai khác so với số liệu 24.321 km trong Quy hoạch mạng lưới đường bộ Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg).

- Về hạ tầng điện lực: Làm rõ tình hình đầu tư các dự án thủy điện; tình trạng vận hành lưới điện trên địa bàn tỉnh; sản lượng điện tiêu thụ; tốc độ tăng trưởng phụ tải; diện tích chiếm đất; nguồn vốn đã đầu tư giai đoạn trước; tác động của các dự án thủy điện đến bảo vệ và phát triển rừng và dân sinh.

- Về hạ tầng cấp nước: Ngoài nội dung đánh giá thực trạng cấp nước cho khu vực đô thị và nông thôn như hiện tại, cần đánh giá thêm khả năng cung cấp nước cho các khu sản xuất công nghiệp tập trung (các khu, cụm công nghiệp) và khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng.

- Về Khu kinh tế cửa khẩu: Cần có những đánh giá kỹ hơn về hoạt động của các khu chức năng trong khu kinh tế (ngoài chức năng thương mại và dịch vụ), như chức năng công nghiệp, đô thị...; đặc biệt là các hạn chế và nguyên nhân; triển vọng khắc phục và phát triển trong giai đoạn tới để có cơ sở cho những điều chỉnh cho giai đoạn quy hoạch.

- Bổ sung đánh giá hiện trạng phát triển các khu, cụm công nghiệp (làm rõ: Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật của các khu, cụm công nghiệp (hệ thống cung cấp điện, nước, xử lý nước thải...)); địa điểm, quy mô và phân bố không gian của các khu, cụm công nghiệp.

- Về thực trạng các kết cấu hạ tầng xã hội

+ Kết cấu hạ tầng văn hóa: Làm rõ hiện trạng mạng lưới cơ sở văn hóa, thể dục thể thao so với với các chỉ tiêu tại Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030.

+ Hạ tầng giáo dục và đào tạo: Trình bày đầy đủ các nội dung đánh giá về hạ tầng giáo dục và đào tạo theo loại hình, theo cấp, xét về số lượng, cơ cấu, địa điểm, diện tích đất chiếm dụng theo từng địa bàn của tỉnh, khả năng đáp ứng nhu cầu; nguồn lực đầu tư.

+ Hạ tầng giáo dục nghề nghiệp: Đề nghị bổ sung đánh giá về thực trạng Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Lai Châu. Rà soát, đánh giá đầy đủ hiện trạng hạ

tầng lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội (về quy mô đối tượng, khả năng đáp ứng không gian phát triển và hiện trạng sử dụng đất, các vấn đề đặt ra đối với quy hoạch thời kỳ 2021-2030; hệ thống trường lớp, ngành nghề; cơ sở vật chất đào tạo, thực hành; khả năng đáp ứng nhu cầu của địa phương...).

+ Hạ tầng y tế: Đánh giá kỹ hơn năng lực (nhân lực, trang thiết bị) của mạng lưới y tế cơ sở (xã, huyện, tỉnh) trong việc phối hợp phòng chống dịch bệnh.

+ Hạ tầng phòng cháy, chữa cháy: Đề nghị bố cục thành các tiêu mục theo các đối tượng quy hoạch, trên cơ sở đó tiến hành phân tích, đánh giá thực trạng làm cơ sở xây dựng phương án quy hoạch phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy.

- Về thực trạng sử dụng đất: Cần luận giải rõ những yếu tố tạo nên sự biến động và mức độ hợp lý của những xu hướng biến động so với tiềm năng lợi thế và các quy luật chung. Đề nghị rà soát, bổ sung: (i) Nội dung tiềm năng đất đai theo Điểm c Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 37/2013/NĐ - CP; (ii) Rà soát, thống nhất lại số liệu về hiện trạng đất đai giữa nội dung phân tích và bảng biểu, phụ lục kèm theo đảm bảo tính phù hợp, đồng bộ và thống nhất. Rà soát, cập nhật tránh đưa thông tin quy hoạch vào phần đánh giá hiện trạng các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh tại Mục IV phần III của báo cáo; (iii) Bổ sung nội dung đánh giá biến động, xu thế chuyển dịch đất đai, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020 làm cơ sở để khoanh vùng đất đai, cũng như các ngành lĩnh vực khác có sử dụng đất.

- Quản lý chất thải rắn cần thống nhất nội dung về: (1) Quản lý chất thải rắn sinh hoạt; (2) Quản lý chất thải nguy hại; (3) Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường; (4) Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt. Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá sự phù hợp với quy hoạch hiện hữu của các khu/cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại (nếu có) đang hoạt động hoặc đã được chấp thuận chủ trương đầu tư trên địa bàn để từ đó điều chỉnh, bổ sung nội dung quản lý chất thải vào quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cho phù hợp.

- Về đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức: Nghiên cứu bổ sung: (i) Cơ hội/tiềm năng cho phát triển năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời); (ii) Cơ hội mở rộng giao lưu thương mại của Trung Quốc với các nước ASEAN thông qua các cửa khẩu của Việt Nam, trong đó có Lai Châu. Việc xác định các điểm yếu, hạn chế/thách thức cần bổ sung các nội dung, như: (i) Nguồn nhân lực dồi dào nhưng chất lượng còn thấp; (ii) Năng suất lao động chung của nền kinh tế có tăng, nhưng khoảng cách so với Vùng và quốc gia còn lớn; (iii) Hệ thống doanh nghiệp, động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế, có nguồn lực hạn chế so với mức bình quân của Vùng và cả nước; (iv) Kết nối nhanh liên vùng, về Thủ đô Hà Nội là điểm nghẽn lớn trong kết nối giao thông; kết nối liên tỉnh với các tỉnh liền kề còn khó khăn.

- Về các yếu tố, điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến tỉnh: Rà soát, làm rõ tác động ảnh hưởng của định hướng phát triển các tỉnh lân cận tới định hướng phát triển của tỉnh Lai Châu làm cơ sở xác định các mục tiêu, định



hướng và giải pháp phát triển tỉnh Lai Châu trong giai đoạn 2021 - 2030 đảm bảo tính liên tỉnh, tháo gỡ những khó khăn như đã phân tích tại phần hiện trạng. Nghiên cứu, kết cấu nội dung theo hướng từ quốc tế đến quốc gia, vùng rồi mới đến các tỉnh lân cận trong vùng. Rà soát, cập nhật lại những thông tin, nhận định đảm bảo tính thời sự, thống nhất giữa các nội dung báo cáo đến thời điểm 2022 tại mục “2.1. Triển vọng kinh tế vĩ mô của Việt Nam”.

c) Về quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh

- Quan điểm phát triển cần chú ý gắn với tăng trưởng xanh và bảo vệ rừng đầu nguồn, phát triển kinh tế tuần hoàn.

- Mục tiêu phát triển tổng quát cần rà soát, hoàn thiện để thể hiện được đích cần đạt được. Rà soát các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, môi trường phù hợp, thống nhất với kịch bản đã lựa chọn (kịch bản 2), phù hợp với các chủ trương, định hướng đã được nêu tại Nghị quyết Đại hội Đại biểu tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2025. Mục tiêu tăng trưởng đến năm 2030 là khá cao so với mục tiêu của vùng Trung du và miền núi phía Bắc là 8,0 – 9,0%/năm (Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị) bởi vậy cần cân nhắc đảm bảo tính khả thi. Xem lại mục tiêu đến năm 2030 tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 55% (mục tiêu chung của cả nước theo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 là từ 35-40%; mục tiêu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ theo Nghị quyết 96/NQ-CP cũng là 35-40%). Mục “2.4. Mục tiêu về sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường” (trang 276) chưa rõ được mục tiêu sử dụng tài nguyên. Cần rà soát mục tiêu về sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường phù hợp với hiện trạng và mục tiêu bảo vệ môi trường quốc gia.

- Về xây dựng kịch bản và lựa chọn phương án phát triển: Xây dựng kịch bản phát triển phải dựa vào chiến lược phát triển quốc gia, của vùng và các bối cảnh tác động. Do vậy, cần phải bổ sung các mục tiêu và định hướng phát triển của quốc gia, của vùng và các tỉnh lân cận trong Vùng. Các kịch bản phát triển cần khác nhau dựa vào dự báo các yếu tố mang lại điều kiện phát triển khác nhau, do vậy định hướng phát triển các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ là kịch bản phát triển chứ không phải là các yếu tố làm giả thiết tạo nên kịch bản phát triển. Nên xây dựng các kịch bản tương ứng với các mức độ thay đổi của các điều kiện khác nhau: (i) Kịch bản cơ sở là dựa trên các điều kiện hiện có ít thay đổi mang tính đột biến về mức độ kết nối hạ tầng, chậm đổi mới cơ cấu kinh tế, mức độ thu hút nguồn lực từ bên ngoài chưa có đột phá. (ii) Kịch bản triển vọng sẽ diễn ra khi hệ thống hạ tầng giao thông kết nối thông suốt giữa Lai Châu với các trung tâm phát triển khu vực miền núi phía bắc như Lào Cai, Điện Biên bằng hệ thống đường cao tốc; sự phát triển của khoa học kỹ thuật để chuyển đổi căn bản các mô hình sản xuất nông nghiệp sang phát triển các sản phẩm các cây trồng dược liệu có giá trị cao trên phạm vi rộng dưới tán rừng trên núi cao; các tiềm năng phát triển thủy điện được khai thác một cách hợp lý thì tốc độ phát triển kinh tế sẽ có những bứt phá so với hiện tại; (iii) Kịch bản đột phá được xây dựng trên cơ sở nền tảng của kịch bản triển vọng, kèm theo sự thu hút đột phá của các nhà đầu tư lớn vào lĩnh vực công nghiệp chế biến nông lâm sản và phát triển kinh tế

biên mậu và các hoạt động giao thương kinh tế đối ngoại gắn với hạ tầng logistic phát triển.

- Phân không gian phát triển: Cần làm rõ các yếu tố cấu thành trực động lực; các hoạt động kinh tế phân bố trên trực động lực. Luận giải tác động của các cực phát triển đến các vùng và định hướng đầu tư vào các cực để có thể lan tỏa và dẫn dắt sự phát triển của vùng. Nội dung phân các vùng nên chuyển sang phần nội dung phân vùng kinh tế, vùng liên huyện.

- Về các khâu đột phá và nhiệm vụ trọng tâm: Cần luận giải nhiệm vụ trọng tâm số 7 (trang 282) đẩy nhanh phát triển công nghiệp thủy điện vừa và nhỏ, đưa vào sử dụng hầu hết các dự án đã được quy hoạch và cấp chủ trương đầu tư; phân đầu nâng tổng công suất lắp máy các dự án điện đạt trên 3.200 MW bởi phát triển thủy điện vừa và nhỏ sẽ gây tổn hại lớn đến môi trường.

#### c) Về phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh

Trong phân phương án quy hoạch các ngành, các lĩnh vực nên đưa ra các luận chứng cho phát triển riêng từng ngành, từng lĩnh vực. Cụ thể:

- Phương án phát triển nông, lâm nghiệp: (i) Đề nghị đưa ra các giải pháp cụ thể hơn (về đất canh tác, về chính sách, về nguồn lực...) đối với việc mở rộng diện tích một số loại cây trồng chủ lực như cây mắc ca đến năm 2030 là 35.000 ha, năm 2050 là 80.000 ha (hiện tại là 3.923 ha), cây ăn quả lên 15.000 ha (hiện là 2.086 ha). Cần nhắc sự cần thiết và phù hợp của việc dự kiến quá chi tiết diện tích (ha) phát triển một số cây trồng và cây dược liệu (xác định đến cấp xã). Đề nghị có phân tích và giải trình rõ hơn tỷ lệ che phủ rừng, về trồng, bảo vệ và phát triển rừng và tính khả thi của phương án; nghiên cứu, xem xét thêm về diện tích rừng sản xuất khai thác hàng năm nhằm phát huy hiệu quả của rừng sản xuất và phù hợp với mục tiêu thu hút doanh nghiệp xây dựng nhà máy chế biến lâm sản gắn với khai thác rừng trồng sản xuất. (ii) Đối với định hướng phát triển sản phẩm OCOP tỉnh Lai Châu, đề nghị nghiên cứu các mục tiêu của Quyết định 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 – 2025 để hoàn thiện định hướng của tỉnh. (iii) Xem xét, nghiên cứu lại giải pháp liên quan đến sử dụng đất trong phương án phát triển ngành nông nghiệp tại mục V phần VI cho phù hợp với định hướng sửa đổi Luật đất đai năm 2013.

- Về phát triển nông thôn: Đề nghị bổ sung mục tiêu và kế hoạch xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2030.

- Phương hướng phát triển công nghiệp: (i) Luận giải cơ sở xác định mục tiêu tăng trưởng công nghiệp khai thác khoáng sản đạt 26%/năm; làm rõ phương án khai thác và chế biến đất hiếm phù hợp với mục tiêu nêu trên. Bổ sung giải pháp phát triển vùng nguyên liệu, hoàn thiện hệ thống hạ tầng đồng bộ để đảm bảo tính khả thi của mục tiêu phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản là 24-25%. (ii) Phương án quy hoạch sản xuất phân phối điện cần phải luận giải phương án quy hoạch các công trình thủy điện đảm bảo không gây chia cắt địa hình, tác động phá hủy môi trường rừng để bảo đảm cân bằng hệ sinh thái và điều

hòa nguồn sinh thủy đầu nguồn. (iii) Rà soát lại kết cấu của mục “II. Phương hướng phát triển ngành công nghiệp” (trang 293) tách và chuyển các mục “4.1. Phân bố phát triển hệ thống các khu, cụm công nghiệp đến năm 2030 (trang 303) sang một mục riêng về Phương án phát triển các khu chức năng được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch. Nêu rõ cơ sở bổ sung và hiện trạng đất đai đối với các cụm công nghiệp (CCN) dự kiến bổ sung quy hoạch (giai đoạn 2021-2030, bổ sung CCN Mường Tè – 46,24 ha; giai đoạn 2031-2050, bổ sung CCN Tam Đường và CCN Sìn Hồ); rà soát lại địa điểm quy hoạch CCN Tân Uyên; tên gọi, địa điểm quy hoạch CCN Nậm Nhùn cho thống nhất giữa Bảng 64 (trang 303) và phần thuyết minh phân bố phát triển hệ thống khu, CCN đến năm 2030 (trang 303). (iv) Bổ sung luận chứng về tính khả thi của định hướng “*Khuyến khích phát triển sản xuất cơ khí lắp ráp, chế tạo thiết bị, máy móc, phụ tùng...*”; “*Kêu gọi đầu tư sản xuất sản phẩm cơ khí, sản xuất một số sản phẩm, phụ tùng sửa chữa phục vụ công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản, thay thế cho sản phẩm nhập khẩu. Ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ và các khâu có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị sản phẩm ngành cơ khí như các thiết kế, tạo mẫu, chế tạo khuôn mẫu, chế tạo các linh kiện...*” và “*đầu tư 20 nhà máy chế biến, đóng gói, bảo quản hoa quả, sản xuất phân bón*” bởi đây là những ngành sản xuất mà Lai Châu ít có lợi thế.

- Về phương án phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch: (i) Phương án quy hoạch phát triển thương mại dịch vụ cần gắn với phương án phát triển các trung tâm đô thị và trục kinh tế động lực. Cần có phương án quy hoạch cho phát triển kinh tế biên mậu quy mô chứ không chỉ dừng lại ở các chợ phiên ở các xã biên giới. (ii) Phương án phát triển du lịch cần theo các tuyến, chuỗi gắn với các sản phẩm du lịch đặc thù mới có thể thu hút được khách du lịch từ bên ngoài. Nghiên cứu bổ sung định hướng phát triển các cơ sở lưu trú và cung ứng dịch vụ du lịch trên địa bàn theo hướng tăng dần tỷ trọng dịch vụ du lịch (với lợi thế là một trong những tỉnh thuộc khu vực động lực phát triển du lịch Sơn La - Điện Biên - Lào Cai - Hà Giang); kết nối du lịch với Sa Pa (Lào Cai) và Thác Bà (Yên Bái), Đền Hùng (Phú Thọ). Trước mắt, chú trọng phát triển một số khu vực có dư địa cao để phát triển du lịch nghỉ dưỡng (khu vực gần Sa Pa). Sau đó, phát triển tập trung một số làng du lịch cộng đồng để quảng bá hình ảnh, con người Lai Châu. (iii) Việc định hướng phát triển các hình thức bán lẻ, các hoạt động xuất, nhập khẩu, phát triển khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng. Thúc đẩy phát triển du lịch cần lưu ý: (1) Về quan điểm (trang 330), cần bổ sung phát triển du lịch sinh thái, gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. (2) Về giải pháp, cần bổ sung giải pháp về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học trong thương mại và du lịch; trong đó, nhấn mạnh giải pháp về giảm chất thải nhựa trong du lịch thông qua giảm sử dụng túi nilon khó phân hủy và các sản phẩm nhựa sử dụng một lần theo quy định tại Điều 73 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 64 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. (iv) Bổ sung luận giải cơ sở đề xuất mở thêm một cửa khẩu quốc gia tại huyện Mường Tè. Bổ sung phương án phát triển về không gian đối với từng ngành quan trọng.

- Về phương hướng phát triển lĩnh vực văn hóa, thể thao: Cần chú trọng các cơ sở văn hóa, thể thao thiết thực cho đồng bào, nhất là tại các làng, bản; đồng thời, chú trọng bảo tồn làng bản truyền thống, tránh mai một bản sắc của đồng bào 20 dân tộc sinh sống và góp phần tạo sản phẩm du lịch riêng biệt thu hút khách trong thời gian lưu trú. Bổ sung phương hướng bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể, các mục tiêu, định hướng, giải pháp phát triển gia đình bền vững. Cần nhắc, bổ sung một số nội dung đề xuất phát triển mạng lưới cơ sở các ngành công nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh phù hợp với tiềm năng của tỉnh.

- Về phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo (Mục II trang 396): Đề nghị rà soát, hoàn thiện để đảm bảo nội dung cô đọng, không trùng lặp và số liệu chính xác, thống nhất. Rà soát, bổ sung các mục tiêu, chỉ tiêu phù hợp với hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu của ngành phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm 2021-2030; Chương trình giáo dục phổ thông mới; giáo dục dân tộc, giáo dục chuyên biệt, hòa nhập. Bổ sung định hướng phát triển giáo dục dân tộc, giáo dục chuyên biệt dành cho trẻ khuyết tật.

- Về tổ chức không gian các hoạt động kinh tế-xã hội (trang 418): Bổ sung luận giải các quan điểm, nguyên tắc, tiêu chí về phân bố không gian phát triển của tỉnh dựa trên phân vùng môi trường, phân vùng chức năng nguồn nước, phân vùng rủi ro thiên tai và kịch bản và tác động của biến đổi khí hậu. Bổ sung phương án xác định khu vực khuyến khích phát triển và khu vực hạn chế phát triển trên địa bàn toàn tỉnh; đề xuất cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên vùng, liên huyện của 2 vùng kinh tế động lực QL 32 và QL 4D, bao gồm 4 huyện và 1 thành phố (TP Lai Châu, huyện Phong Thổ, Tam Đường, Than Uyên, Tân Uyên) và Vùng kinh tế lâm nông nghiệp sinh thái sông Đà (bao gồm 3 huyện Mường Tè, Nậm Nhùn, Sìn Hồ).

d) Phương án quy hoạch hệ thống đô thị, bao gồm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đã được xác định trong quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển đô thị tỉnh lỵ và các thành phố, thị xã, thị trấn trên địa bàn: Tổ chức hệ thống đô thị cần nghiên cứu gắn với phát triển dịch vụ du lịch, sự liên kết theo các trục hành lang kết nối với các tỉnh lân cận (Lào Cai, Điện Biên, Yên Bái), ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên, môi trường, đặc biệt đối với việc bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn. Nghiên cứu những nguyên tắc định hướng bản sắc đặc trưng cho các đô thị. Đề nghị bổ sung làm rõ các phương án thành lập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính đô thị trong thời kỳ quy hoạch; trong đó lưu ý các phương án này cần bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính làm cơ sở cho phương án phát triển hệ thống đô thị. Rà soát, bảo đảm thống nhất số lượng đô thị trong thời kỳ quy hoạch.

đ) Phương án phát triển các khu chức năng đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn: Đề nghị bổ sung nội dung phương án phát triển các khu chức năng hiện đang được trình bày rải rác tại các

phần mục khác nhau vào trong Mục “I. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế, xã hội, các khu chức năng và liên kết không gian” (trang 421); luận giải cơ sở bổ sung các cụm công nghiệp trong thời kỳ 2021-2030.

e) Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung: Chỉnh sửa, hoàn thiện tiêu đề và nội dung Mục “IV. Phương án bố trí, sắp xếp dân cư nông thôn” (trang 433) thành “Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung” theo quy định.

g) Phương án phân bố điểm dân cư: Cần theo hướng bố trí tập trung để thuận tiện cho phát triển hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại song tránh thực hiện các biện pháp di chuyển dồn dân vào các khu vực tập trung mà nên tạo sức hút tự nhiên để thay đổi công việc và địa bàn sinh sống từ các hộ phân tán hướng đến các vùng có qui mô tập trung với các điều kiện hạ tầng đồng bộ. Cần có hướng ưu tiên đầu tư cho thực hiện các phương án quy hoạch các điểm dân cư ở vùng biên để vừa thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế, vừa đảm nhận vai trò bảo vệ lãnh thổ vùng biên giới. Đối với các khu vực nông thôn, cần nghiên cứu chính sách, giải pháp hỗ trợ xây dựng phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ đối với các vùng khó khăn, đặc biệt các xã nông thôn khu vực biên giới, nhằm nâng cao điều kiện sống của nhân dân, góp phần bảo vệ quốc phòng an ninh, trật tự khu vực biên giới phía Tây Bắc của Tổ quốc.

h) Bổ sung phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, những khu vực có vai trò động lực còn thiếu theo quy định.

i) Phương án phát triển giao thông vận tải: Đề nghị bổ sung mục tiêu đến năm 2030 về khối lượng vận tải hàng hóa, hành khách; chỉ tiêu về vận tải hành khách công cộng; định hướng phân đầu đến năm 2030 đưa vào cấp kỹ thuật các tuyến đường tỉnh quan trọng, mở mới một số tuyến cần thiết làm cơ sở xác định phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông. Đối với đường tỉnh, đường huyện đề nghị xác định theo hướng quy mô tối thiểu; các đoạn qua đô thị xác định quy mô phù hợp với quy hoạch đô thị (không phải quy mô tối thiểu). Về kết nối giao thông, cần chỉ rõ các hướng kết nối cần ưu tiên, đột phá; bổ sung danh mục các dự án ưu tiên kết nối vùng, liên vùng kèm theo.

- Về đường bộ: Đề nghị rà soát, cập nhật thông tin tuyến cao tốc Bảo Hà (Lào Cai) - Lai Châu (CT.13); tuyến quốc lộ 4D, 12, 32 phù hợp với phạm vi, quy mô được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021. Các tuyến đường địa phương mới xác định về chiều dài, quy mô, cần bổ sung điểm đầu, điểm cuối, tiến trình đầu tư. Đối với các tuyến đường do địa phương quản lý, nghiên cứu bổ sung cụm từ quy mô tối thiểu; các đoạn qua đô thị xác định quy mô phù hợp quy hoạch đô thị (không phải quy mô tối thiểu). Bổ sung nội dung về quy hoạch giao thông đô thị, trong nghiên cứu quy hoạch hệ thống đường vành đai thành phố Lai Châu làm cơ sở định hướng phát triển đô thị, quản lý quỹ đất, hạn chế xe quá cảnh qua thành phố Lai Châu. Đối với các đường trục chính đô thị đi trùng hệ thống quốc lộ, đề nghị quy hoạch xây dựng hệ thống

đường gom, đường song hành để đảm bảo không làm ảnh hưởng đến năng lực thông hành của các quốc lộ. Đề nghị bổ sung quy hoạch các tuyến kết nối các phương thức vận tải, đầu mối giao thông trên địa bàn tỉnh theo định hướng tại Phụ lục IV, Quyết định số 1454/QĐ-TTg.

- Về đường thủy nội địa: Đề nghị cập nhật, bổ sung nội dung quy hoạch cảng thủy nội địa (quy hoạch cụm cảng Lai Châu tiếp nhận cỡ tàu 400 tấn, công suất 1,6 triệu tấn/năm, nhu cầu sử dụng đất khoảng 24 ha; cảng vùng hồ Lai Châu công suất 700 nghìn tấn/năm) vào Báo cáo quy hoạch. Quy hoạch cảng thủy nội địa cần phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương, phù hợp với nhu cầu thông qua hàng hóa, hành khách vận tải bằng phương thức đường thủy nội địa tránh dư thừa công suất và tiết kiệm nguồn lực đầu tư. Đề nghị rà soát, cập nhật nội dung quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021.

- Về hàng không: Đề nghị rà soát, cập nhật nội dung Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

#### k) Phương án phát triển mạng lưới cấp điện:

- Bổ sung mục tiêu và định hướng phương án phát triển mạng lưới điện; dự báo tốc độ tăng trưởng phụ tải các khu vực, nhu cầu điện các giai đoạn, nhu cầu đất cho công trình điện, khối lượng đầu tư và nhu cầu vốn đầu tư các giai đoạn. Luận giải việc đề xuất xây mới và nâng công suất các trạm 110 kV tại Mục “3.3.3. Phát triển lưới điện 110 kV” (trang 459). Mục tiêu “Xây dựng hệ thống lưới điện truyền tải đảm bảo truyền tải hết khoảng 4.962MW công suất của các dự án thủy điện, điện gió” chưa đủ cơ sở; cần kiểm tra lại số liệu và rà soát, đối chiếu với dự thảo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để đảm bảo tính khả thi. Đề nghị làm rõ khối lượng đầu tư, nhu cầu vốn phát triển lưới điện cấp điện cho vùng sâu, vùng xa, thôn bản.

- Về phát triển nguồn điện: Bổ sung luận giải đề xuất phát triển các dự án thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo hướng không chuyên mục đích sử dụng rừng tự nhiên; không làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai, cũng như xử lý các vấn đề phát sinh chưa lường hết được sau khi nhà máy thủy điện hết thời gian hoạt động. Xem xét không đưa vào các dự án thủy điện có công suất nhỏ hơn 10 MW; bổ sung luận chứng hiệu quả kinh tế và phương án kỹ thuật đối với các dự án thủy điện trong danh mục có công suất dưới 10 MW; xem xét, rà soát, kiên quyết loại bỏ các công trình thủy điện không đảm bảo hiệu quả kinh tế, có chiếm dụng rừng tự nhiên, ảnh hưởng đến dân cư và có tác động xấu đến môi trường.

#### l) Phương án phát triển các khu xử lý chất thải:

- Đề nghị rà soát các mục tiêu, chỉ tiêu về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại để phù hợp với Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 450/QĐ-TTg

ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đề nghị bổ sung mục tiêu về thu gom, xử lý chất thải rắn, nước thải sinh hoạt.

- Đề nghị bổ sung định hướng đầu tư hoặc đưa vào vận hành các nhà máy xử lý chất thải rắn theo hướng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường, hạn chế chôn lấp; bổ sung các giải pháp để giảm tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp.

- Đề nghị bổ sung phương án về vị trí, quy mô, công suất, loại hình chất thải, công nghệ dự kiến, phạm vi tiếp nhận chất thải của các dự án/cơ sở xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP. Bổ sung nội dung phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Đề nghị rà soát nội dung “Đối với các thị tứ và trung tâm cụm xã: Cần có một bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh 2-3 ha. Đối với các xã: Quy hoạch các điểm xử lý CTR sinh hoạt tập trung cho mỗi xã với quy mô mỗi điểm khoảng 0,3-0,5 ha” (trang 529) của Báo cáo quy hoạch để bảo đảm theo hướng xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung, hạn chế quy mô nhỏ theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020. Đồng thời, đề nghị rà soát, hạn chế quy hoạch các khu xử lý chất thải có quy mô, công suất nhỏ và sử dụng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên địa bàn; bổ sung nội dung, giải pháp cải tạo phục hồi môi trường các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh, các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đã đóng cửa.

- Bổ sung dự báo về chất thải rắn tại các đô thị, khu vực sản xuất để đưa ra phương án xử lý chất thải rắn phù hợp.

#### m) Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội

- Đề nghị bổ sung, làm rõ phương án phát triển hạ tầng cơ sở giáo dục và đào tạo các cấp học cụ thể đến năm 2025 và năm 2030, bao gồm cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đảm bảo phù hợp, gắn với định hướng phát triển giáo dục và đào tạo đã nêu tại Mục II (trang 396) cũng như giải quyết các bất cập, hạn chế, vướng mắc về thực trạng phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo của tỉnh đã nêu tại Mục 5 (trang 218) gắn với việc bố trí không gian phát triển. Bổ sung làm rõ phương án phát triển hạ tầng cơ sở giáo dục dân tộc, cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển hòa nhập và gắn với bố trí không gian phát triển.

- Đề nghị rà soát, đảm bảo phương án phát triển các cơ sở hạ tầng giáo dục nghề nghiệp và an sinh xã hội về quy mô phát triển phù hợp với nhu cầu của tỉnh và định hướng không gian phát triển, nhu cầu sử dụng đất và khả năng bố trí quỹ đất của tỉnh cho mạng lưới các cơ sở này.

- Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ: Đề nghị xem xét, bổ sung phát triển các khu thực nghiệm khoa học và công nghệ; khu nghiên cứu về cây trồng phù hợp với điều kiện của tỉnh; không gian làm việc chung cho hoạt động khởi nghiệp sáng tạo...

- Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy: Đề nghị xây dựng phương án căn cứ theo các đối tượng quy hoạch được quy định tại Quyết định số 2231/QĐ-TTg ngày 28/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Nội dung phương án phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy cần căn cứ nhu cầu sử dụng đất để phát triển mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ phòng cháy, chữa cháy, bố trí các dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch. Quy hoạch mạng lưới trụ sở, doanh trại của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy cần phối hợp với Công an tỉnh Lai Châu nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí quỹ đất trong giai đoạn 2021-2030 đảm bảo mỗi huyện có tối thiểu 01 đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

n) Phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện

- Cần luận giải cơ sở tính toán nhu cầu đất đai phân bổ cho mỗi mục đích sử dụng vào năm 2030. Cần giải trình rõ cơ sở quy hoạch khi nhiều loại đất chưa có số liệu ở thời điểm năm 2020 như đất đô thị, đất công nghiệp, đất du lịch tại các bảng 82, 83, 84. Bổ sung biểu/cột số liệu hiện trạng sử dụng đất đến năm 2020 để so sánh các chỉ tiêu đến năm 2030. Hạn chế tối đa việc sử dụng đất rừng làm thủy điện, khoáng sản, sân golf; không đánh đổi tăng trưởng bằng sự suy thoái môi trường, làm mất đi đa dạng sinh học, cân bằng tự nhiên. Rà soát lại quan điểm sử dụng đất vì hiện nay không có khái niệm đất chuyên dùng trong các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Tại Bảng 7: Cân đối chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 theo từng đơn vị hành chính cấp huyện tỉnh Lai Châu, trong đó xác định 24/26 chỉ tiêu sử dụng đất bằng chỉ tiêu cấp quốc gia phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, có 01 chỉ tiêu sử dụng đất xác định cao hơn cấp quốc gia phân bổ (đất phát triển hạ tầng là 421,43 ha) và 01 chỉ tiêu sử dụng đất không xác định (đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng). Đề nghị rà soát các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 để đảm bảo phù hợp với các chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia phân bổ theo Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tuân thủ chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia đến năm 2030 và đến năm 2025 phân bổ trên địa bàn tỉnh Lai Châu tại Quyết định số 326/QĐ-TTg.

- Các nội dung khác có liên quan thuộc phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện (thuộc Phần X. Báo cáo quy hoạch): (i) Tại Bảng 42. Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp năm 2020 và Bảng 76 Cân đối chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 theo từng đơn vị hành chính cấp huyện tỉnh Lai Châu: tổng diện tích đất trồng lúa năm 2020 là 33.480 ha, quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là 32.610 ha, giảm 870 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2020. (ii) Tại Bảng 88. Diện tích đất cần thu hồi đến năm 2030 theo từng đơn vị hành chính cấp huyện tỉnh Lai Châu: thời kỳ 2021-2030, tổng diện tích đất trồng lúa cần thu hồi là 1.304 ha. (iii) Tại Bảng 89. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đến năm 2030 theo từng đơn vị hành chính cấp huyện tỉnh Lai Châu: thời kỳ 2021-2030, tổng diện tích đất trồng lúa chuyển mục



đích sang đất phi nông nghiệp là 1.532 ha. (iv) Tại Bảng 90 Diện tích chưa sử dụng đưa vào sử dụng đến năm 2030 theo từng đơn vị hành chính cấp huyện tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tổng diện tích đất chưa sử dụng chuyển sang đất trồng lúa là 455 ha. (v) Theo Bảng 42, Bảng 76, diện tích đất trồng lúa trong thời kỳ 2021-2030 giảm 870 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2020; đất trồng lúa tăng thêm từ đất chưa sử dụng và các loại đất khác là 455 ha (Bảng 90), thực giảm đất trồng lúa so với năm 2020 là 415 ha; tuy nhiên, tại Bảng 88, Bảng 89 diện tích đất trồng lúa cần thu hồi và chuyển mục đích sử dụng là 2.836 ha, giảm 2.791,65 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2020. Như vậy còn 2.421 ha đất trồng lúa giảm so với năm 2020 không rõ chuyển sang mục đích gì. Đề nghị bổ sung giải trình rõ nội dung nêu trên.

- Nội dung “Định hướng sử dụng đất theo các khu chức năng” cần xác định, khoanh vùng và tính toán diện tích các khu chức năng làm cơ sở để xác định các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất phù hợp với từng địa bàn. Kiểm tra số liệu về diện tích khu phát triển công nghiệp và khu dân cư nông thôn.

- Về các chỉ tiêu phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030: Bổ sung phân tích, luận giải căn cứ, cơ sở tính toán, cân đối, xác định và phân bổ các chỉ tiêu phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 trên cơ sở phương án phát triển của các ngành, lĩnh vực và địa phương đã phân tích ở các phân trên. Đề nghị nghiên cứu, rà soát bóc tách chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 37/2019/NĐ-CP và Quyết định số 326/QĐ-TTg.

- Đề nghị rà soát, hiệu chỉnh số liệu hiện trạng đất an ninh trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo số liệu của Bộ Công an (Tính đến tháng 8/2022, tổng diện tích đất an ninh trên địa bàn tỉnh Lai Châu do Bộ Công an quản lý, sử dụng là 69,96 ha); làm rõ vị trí đất an ninh bị thu hồi (địa điểm đến đơn vị hành chính cấp xã, đơn vị quản lý, sử dụng đất) và làm rõ căn cứ việc thu hồi đất an ninh và sự phù hợp của việc thu hồi theo quy định tại Điều 62, Điều 63 và Điều 66 Luật Đất đai. Đề nghị phối hợp với Bộ Công an thống nhất về số liệu diện tích quy hoạch đất an ninh trên địa bàn tỉnh đến năm 2030.

o) Phương án bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn

- Đề nghị nghiên cứu sử dụng thông tin, dữ liệu của Kịch bản biến đổi khí hậu tại Việt Nam, phiên bản cập nhật năm 2020.

- Về nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh: Đề nghị nêu rõ nội dung phân tích, đánh giá về môi trường của địa phương theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, trong đó bao gồm các nội dung về phân vùng môi trường theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; khu xử lý chất thải tập trung; mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường đất, nước, không khí.

- Về phương án phân vùng môi trường: Đề nghị rà soát, bổ sung các vùng

đất ngập nước quan trọng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Về phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: Làm rõ và bổ sung các đối tượng quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh bao gồm: khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, hành lang đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 9 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP. Đối với các đối tượng đề xuất thành lập mới cần bổ sung các thông tin chi tiết về mục tiêu, diện tích, vị trí địa lý, giới hạn, biện pháp tổ chức quản lý và các đánh giá khả thi để làm căn cứ quyết định việc đưa vào quy hoạch. Trong quá trình triển khai phương án cần lưu ý tuân thủ quy chế quản lý với mục tiêu gắn kết, lồng ghép giữa mục tiêu bảo tồn và phát triển sinh kế, trước hết cho các cộng đồng sống trong vùng đệm khu bảo tồn, hướng tới giảm thiểu áp lực lên tài nguyên thiên nhiên trong vùng lõi; giảm thiểu hoạt động khai thác trái phép, bảo vệ, phát triển động, thực vật quý, hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học cao, đảm bảo cân bằng sinh thái, phục vụ mục đích du lịch, nghiên cứu, giáo dục, điều hòa khí hậu, ứng phó và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

- Về phương án phát triển thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản: Đề nghị rà soát, hạn chế không đưa vào quy hoạch những điểm khai thác khoáng sản có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, sạt lở bờ sông, đe dọa và ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân; rà soát, đối chiếu các điểm mỏ khoáng sản về ranh giới, quy mô trữ lượng, diện tích với các quy hoạch thuộc lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền quản lý của các Bộ có liên quan đảm bảo thống nhất về nội dung và đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Khoáng sản. Đối với các khu vực khoáng sản không phải là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn đã phát hiện, chưa được giao cho tỉnh quản lý, chỉ cần thống kê các thông số của mỏ để làm cơ sở quản lý. Cập nhật các khu vực khoáng sản theo Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản (kể cả khoáng sản làm vật liệu xây dựng) cả nước đang được Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng tổ chức lập. Đối với các khu vực cát, sỏi lòng sông, cần phải đánh giá mức độ ảnh hưởng của hoạt động khai thác khoáng sản đến dòng chảy, sạt lở bờ, bãi sông, ô nhiễm môi trường và các công trình xây dựng trên sông theo quy định tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

- Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra: (i) Đề nghị rà soát, bổ sung đầy đủ các nội dung để đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 11 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP. Việc xác định dòng chảy tối thiểu trên các sông suối chính trong kỳ quy hoạch cần theo quy định tại Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017. Thuyết minh rõ cơ sở xác định nhu cầu khai thác sử dụng nước của các ngành sử dụng nước chính theo các tháng trong năm đối với từng tiểu vùng quy hoạch. Bổ sung thứ tự ưu tiên phân bổ cho các ngành khai thác, sử dụng nước

chính đối với từng tiểu vùng quy hoạch trong trường hợp bình thường và hạn hán, thiếu nước, trong đó lưu ý đến sự tham gia điều tiết của thủy điện Lai Châu (thuộc quy trình vận hành liên hồ chứa lưu vực sông Hồng). Bổ sung kết quả tính toán lượng nước có thể dự phòng và rà soát tính khả thi của các phương án khai thác dự phòng. (ii) Rà soát và lập Danh mục các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải bao gồm danh mục hiện trạng, quy hoạch tất cả các công trình hồ, đập thủy lợi, công trình cấp nước, cống, trạm bơm... có nhiệm vụ điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước trong kỳ quy hoạch để đảm bảo với quy định pháp luật về Quy hoạch. (iii) Cụ thể hóa các vị trí đặt trạm thuộc Hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước; nguồn nước giám sát; nội dung giám sát. (iv) Phương án bảo vệ Tài nguyên nước và phòng chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra: Bổ sung nội dung “Xây dựng vận hành, tích hợp hệ thống thông tin dữ liệu tài nguyên nước của địa phương với trung ương, nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo tài nguyên nước và kiểm soát các hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước thông qua việc kết nối, truyền dữ liệu về hệ thống giám sát theo quy định”. Đề nghị ban hành danh mục hành lang bảo vệ nguồn nước, danh mục vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt làm căn cứ lập các phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng, theo loại đất (quy định tại khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP), trong đó có đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng (quy định tại Điều 10 Luật Đất đai).

- Phương án ứng phó với biến đổi khí hậu chủ yếu đề cập đến các giải pháp thích ứng, các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính theo khuyến nghị của FAO trong ngành nông nghiệp; bổ sung phương án ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh phù hợp với tình hình ở từng địa bàn cụ thể. Nghiên cứu, bổ sung các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26) nhằm góp phần thực hiện mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

p) Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện: Đề nghị rà soát các dự án trong Danh mục các dự án của tỉnh đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Quy hoạch; bổ sung các dự án cảng bến thủy nội địa; các dự án cụm công nghiệp (dự kiến gồm các thông tin: tên, vị trí, diện tích, ngành nghề hoạt động, giai đoạn đầu tư); rà soát danh mục các dự án lưới điện, dự án phát triển nguồn điện trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với dự thảo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; loại bỏ các dự án xử lý “điểm đen” an toàn giao thông, chỉ đưa vào các công trình hạ tầng phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Quy hoạch.

q) Các nội dung khác liên quan: Rà soát các nội dung về hiện trạng, phương hướng, phương án phát triển, các dự án trong Danh mục các dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện đảm bảo thống nhất xuyên suốt trong Báo cáo quy hoạch, Hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch và dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch.

### 2.4.3. Về hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch

Đề nghị rà soát, hoàn thiện hệ thống các bản đồ về nội dung và hình thức phù hợp với nội dung Báo cáo quy hoạch theo đúng quy định tại phần IX Phụ lục kèm theo Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, ghi rõ nguồn gốc và thống nhất sử dụng nguồn bản đồ địa hình quốc gia và cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia làm dữ liệu bản đồ nền để thể hiện và thành lập các bản đồ trong quá trình lập quy hoạch. Rà soát đường biên giới quốc gia theo bản đồ Nghị định thư phân giới cắm mốc giữa Việt Nam với Trung Quốc. Cập nhật chính xác đường địa giới hành chính các cấp, tên đơn vị hành chính các cấp theo tài liệu hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính tỉnh Lai Châu thực hiện theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Xem lại trong phạm vi lập quy hoạch còn khu vực giáp ranh giữa xã Sơn Bình và xã Bản Bo, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu với phường Ô Quý Hồ, xã Hoàng Liên thuộc thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai chưa thống nhất đường địa giới cấp tỉnh. Sau khi Quy hoạch tỉnh Lai Châu được phê duyệt phải thực hiện việc kết nối dữ liệu bản đồ quy hoạch với Công thông tin không gian địa lý Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật Đo đạc và bản đồ. Sản phẩm bản đồ quy hoạch phải ở định dạng GeoTiff hoặc GeoPDF để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ và sử dụng chung với các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia khác.

Cơ sở dữ liệu quy hoạch cần cập nhật, bổ sung, hoàn thiện đảm bảo có đầy đủ các thông tin quy hoạch theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản 5746/BKHĐT-QLQH ngày 30/8/2021.

#### 2.4.1.5. Về Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch

Đề nghị rà soát, bổ sung, hoàn thiện Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch theo nội dung văn bản số 1056/BTNMT-TCMT ngày 02/3/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với Quy hoạch tỉnh Lai Châu. Giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại văn bản nêu trên.

### III. KẾT LUẬN

1. Hội đồng thẩm định đánh giá quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cơ bản đáp ứng yêu cầu theo quy định của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14.

2. Hội đồng thẩm định nhất trí thông qua kết luận quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đủ điều kiện đề trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện với tỷ lệ phiếu thông qua 23/23 phiếu (đạt 100% thành viên Hội đồng thẩm định) trong đó có 23/23 phiếu nhất trí thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện (đạt 100%).

3. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu trong Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Lai Châu.

4. Hội đồng thẩm định đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu chỉ đạo cơ

quan lập quy hoạch:

a) Tiếp thu, giải trình rõ, chi tiết của như lập Báo cáo tiếp thu, giải trình toàn bộ ý kiến tham gia bằng văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, chuyên gia trong quá trình lấy ý kiến dự thảo Báo cáo quy hoạch tỉnh Lai Châu, lấy ý kiến thẩm định của các thành viên Hội đồng thẩm định, chuyên gia phản biện (chỉ rõ nội dung góp ý, nội dung tiếp thu, giải trình) tại phiên họp của Hội đồng thẩm định và nội dung mục tại II của báo cáo này để hoàn thiện hồ sơ quy hoạch theo quy định của pháp luật.

b) Hoàn thiện dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch theo quy định tại Điều 37 Luật Quy hoạch trên cơ sở cập nhật những nội dung Hội đồng thẩm định đã kiến nghị chỉnh sửa đối với Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Lai Châu.

c) Hoàn thiện Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Lai Châu gửi Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP để rà soát theo quy định.

5. Thành viên Hội đồng thẩm định chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về ý kiến thẩm định, về việc phối hợp với Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định thực hiện rà soát Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Lai Châu đã được chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện sau thẩm định. Thành viên Hội đồng thẩm định chưa có ý kiến thẩm định khẩn trương gửi ý kiến thẩm định theo nội dung được phân công tại Kế hoạch thẩm định cho Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định.

6. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định chủ trì, phối hợp với các thành viên Hội đồng thẩm định tiến hành rà soát hồ sơ, tài liệu quy hoạch đã được bổ sung, hoàn thiện theo Kết luận của Hội đồng thẩm định; đóng dấu; xác nhận vào hồ sơ quy hoạch theo quy định tại khoản 10 Điều 34 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

Trên đây là Báo cáo thẩm định quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. *Trần Quốc Phương*

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng - Chủ tịch HĐTĐ (để báo cáo);
- Thứ trưởng Trần Quốc Phương;
- Thành viên Hội đồng thẩm định;
- UBND tỉnh Lai Châu;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu ;
- Lưu: VT, QLQH (3), TQA.09

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**THỨ TRƯỞNG  
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
Trần Quốc Phương**

**Phụ lục**  
**YÊU CẦU ĐỐI VỚI NỘI DUNG CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH**  
(Kèm văn bản số: 170.../BC-HĐTD ngày 09 tháng 01 năm 2023  
của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh)

1. Đề nghị bổ sung các căn cứ lập quy hoạch: Luật tổ chức chính quyền địa phương; Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/1/2022 của Chính phủ ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 1497/QĐ-TTg ngày 8/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển thông tin quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn 2030; Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 654/QĐ-TTg ngày 30/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bưu chính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 về việc phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030; Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm; Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 đã được Quốc hội Khóa XV, Kỳ họp thứ 2 thông qua tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021; Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số

2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định 150/QĐ-TTg năm 2022 phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030; Quyết định số 339/QĐ-TTg, ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 123/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;...

2. Đề nghị thay “Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/08/2008 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn” bằng “Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

3. Đề nghị loại bỏ các căn cứ lập quy hoạch là các văn bản đã hết hiệu lực và cập nhật vào nội dung định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh các văn bản có hiệu lực mới như: Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển khu công nghiệp ở Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2020; Quyết định số 2412/QĐ-TTg ngày 19/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng kết hợp phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn cả nước giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 37/2013/QĐ-TTg ngày 26/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006-2020; thay thế Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 14/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020 bằng Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030./.